

Số: ~~22~~44/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ ba phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 2474/STC-QLNS ngày 04/10/2022);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2022 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC.

BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	17.999.669	19.966.882	110,9	126,1
A	TỔNG THU NSDP	15.192.499	15.967.977	105,1	120,7
I	Thu NSNN trên địa bàn	10.054.000	10.423.289	103,7	126,0
1	Thu nội địa	8.454.000	7.736.304	91,5	112,5
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.600.000	2.686.985	167,9	192,7
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.471.339		
III	Trợ cấp NSTW	7.945.669	5.821.425	73,3	
IV	Thu kết dư ngân sách		27.584		
V	Tạm thu ngân sách huyện, xã		198.632		
VI	Thu từ các khoản cho vay của NN		1.500		
VII	Tạm vay NSNN		1.268		
VIII	Các khoản ghi thu trên địa bàn		21.846		
B	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	10.626.707	70	110
I	Chi cân đối NSDP	15.189.799	10.510.367	69	113
1	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	4.255.482	92	120
2	Chi thường xuyên	10.257.705	6.000.707	58	107
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	640		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		198.632		
6	Dự phòng ngân sách	274.941			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		21.846		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	2.700			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		54.906		
E	CHI TẠM ỨNG		94.495		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.054.000	10.423.289	103,7	126,0
I	Thu nội địa	8.454.000	7.736.304	91,5	112,5
1	Thu từ khu vực DNNN	565.000	366.875	64,9	86,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	83.157	69,3	82,8
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.782.000	1.365.455	76,6	110,2
4	Thuế thu nhập cá nhân	270.000	308.056	114,1	134,3
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.200.000	1.970.434	89,6	117,8
6	Lệ phí trước bạ	355.000	312.109	87,9	119,8
7	Thu phí, lệ phí	85.000	72.558	85,4	81,5
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.878.000	2.936.445	102,0	101,8
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	18		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000	28.342	188,9	211,9
-	Thu tiền sử dụng đất	2.723.000	2.573.670	94,5	103,1
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	140.000	334.356	238,8	296,0
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	59		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16.000	18.369	114,8	83,9
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.000	11.582	193,0	195,4
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	55.000	60.668	110,3	134,5
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	52.119	260,6	138,9
13	Thu khác ngân sách	100.000	178.476	178,5	141,7
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	-		
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.600.000	2.686.985	167,9	192,7
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.246.830	6.623.012	91,4	
1	Từ các khoản thu phân chia	3.149.100	2.601.072		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.097.730	4.021.940		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	10.626.707	70	110
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15.189.799	10.510.367	69	113
I	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	4.255.482	92	120
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.650.703	4.255.482	92	120
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	10.257.705	6.000.707	58	107
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>67,5</i>	<i>57,1</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.250.120	2.371.940	56	105
2	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	846.646	534.895	63	101
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	33.916	19.626	58	137
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	158.891	93.056	59	105
5	Chi SN phát thanh truyền hình	54.814	32.841	60	99
6	Chi đảm bảo xã hội	1.342.746	945.101	70	125
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.384	395.164	37	102
8	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	437.862	90.282	21	103
9	Chi quản lý hành chính	1.689.194	1.248.500	74	105
10	Chi trợ giá	15.500	6.500	42	65
11	Chi khác ngân sách	80.746	13.851	17	48
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	640		
IV	Dự phòng ngân sách	274.941			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên		198.632		
VII	Chi trả nợ gốc		54.906		
B	BỘI THU NSDP	2.700			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		21.846		
E	CHI TẠM ỪNG		94.495		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022**

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng thực hiện 19.966,8 tỷ đồng, đạt 110,9% dự toán năm, bằng 126,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện 15.967,9 tỷ đồng, đạt 105,1% dự toán năm, bằng 120,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Một số khoản thu thực hiện như sau:

1.1. Tổng thu nội địa: thực hiện 7.736,3 tỷ đồng đạt 91,5% dự toán năm, bằng 112,5% so với cùng kỳ năm 2021.

1.2. Thu thuế xuất, nhập khẩu: thực hiện 2.686,9 tỷ đồng, đạt 167,9% dự toán năm, bằng 192,7% so với cùng kỳ năm 2021.

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: thực hiện 5.821,4 tỷ đồng, đạt 73,3% dự toán năm.

1.4. Thu chuyển nguồn năm trước sang: 3.471,3 tỷ đồng.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 9 tháng thực hiện 10.626,7 tỷ đồng, đạt 70% dự toán năm, bằng 110% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 4.255,4 tỷ đồng, đạt 92% dự toán năm, bằng 120% so với cùng kỳ năm 2021.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: thực hiện 6.000,7 tỷ đồng, đạt 58% dự toán năm, bằng 107% so với cùng kỳ năm 2021, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, chi trợ cấp, cụ thể:

Sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện 19,6 tỷ đồng, đạt 58% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề thực hiện 2.371,9 tỷ đồng, đạt 56% dự toán năm; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch thực hiện 93 tỷ đồng, đạt 59% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số KHHGD thực hiện 534,8 tỷ đồng, đạt 63% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội thực hiện 945,1 tỷ đồng, đạt 70% dự toán năm; chi quản lý hành chính thực hiện 1.248,5 tỷ đồng, đạt 74% dự toán năm.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH